

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Trọng tâm là:

- Ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC): Kế hoạch CCHC¹, Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)²; Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2022 - 2025⁴; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Thanh Hóa⁵; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh⁶; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh⁷; Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao các chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI⁸...

- Thành lập Ban Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa⁹; Ban Xúc tiến Đầu tư đặc biệt¹⁰; triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải

¹ Quyết định số 5347/QĐ-UBND ngày 24/12/2021;

² Quyết định số 5274 /QĐ-UBND ngày 21/12/2021;

³ Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022;

⁴ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/2/2022;

⁵ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 03/3/2022;

⁶ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 28/1/2022;

⁷ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 01/3/2022;

⁸ Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 29/8/2022;

⁹ Quyết định số 5552/QĐ-UBND ngày 31/12/2021;

¹⁰ Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 30/12/2021;

thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022¹¹.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý¹².

- Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa¹³; UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa¹⁴; ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa¹⁵; triển khai thực hiện Đề án “nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”¹⁶, “Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa¹⁷.

- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách TTHC, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa¹⁸. Tăng cường tuyên truyền thực hiện TTHC, mở rộng triển khai phần mềm tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

- Trên cơ sở kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về giám sát việc thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2018 - 2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp khắc phục tồn tại, hạn chế mà các đoàn giám sát đã nêu¹⁹.

Các cấp, các ngành căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, 100% các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch CCHC năm 2022, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch

¹¹ Kế hoạch 19/KH-UBND ngày 26/1/2022;

¹² Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022;

¹³ Quyết định 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022;

¹⁴ Quyết định 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021;

¹⁵ Quyết định 3853/QĐ-UBND ngày 9/11/2022;

¹⁶ Kế hoạch 53/KH-UBND ngày 03/3/2022;

¹⁷ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 8/11/2022;

¹⁸ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa ngày 05/5/2022;

¹⁹ Công văn số 12748/UBND-THKH ngày 29/8/2022;

tuyên truyền, kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế sau giám sát của Thường trực HĐND tỉnh để triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương.

2. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính

Công tác kiểm tra, giám sát về CCHC trên địa bàn tỉnh được các ngành, các cấp triển khai thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đề ra. Ngay từ đầu năm, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp đã tham gia cùng các Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân tỉnh thực hiện giám sát “Việc cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2021” đối với 21 đơn vị (trong đó có 9 sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, 03 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn và 9 đơn vị cấp huyện)²⁰.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác CCHC, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022²¹. Theo đó, Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thực hiện kiểm tra CCHC đối với 16 đơn vị, gồm có 05 đơn vị cấp sở và 11 đơn vị cấp huyện. Tính đến hết tháng 11/2022, đã thực hiện kiểm tra 16/16 đơn vị (đạt 100% kế hoạch)²².

Kết quả kiểm tra cho thấy: cơ bản các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện được kiểm tra đều triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, như: ban hành đầy đủ kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính; tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp, nâng cao tỷ lệ giải quyết đúng hạn, tỷ lệ hài lòng; thực hiện có hiệu quả cơ chế quản lý tài chính trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập... Những tồn tại phát hiện qua kiểm tra đã được Đoàn kiểm tra thông báo đến các đơn vị; trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị kịp thời khắc phục nhằm nâng cao chất lượng thực hiện công tác CCHC trên địa bàn.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện, nhiều đơn vị, địa phương đã lồng ghép tuyên truyền CCHC gắn với tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung tuyên truyền tập trung vào những vấn đề có tính thời sự như: giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4; thanh toán trực tuyến; hóa đơn điện tử. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho tổ chức, công dân giải quyết TTHC được đẩy mạnh với nhiều cách thức như hỗ trợ trực

²⁰ Kế hoạch số 79/KH-HĐND ngày 25/02/2022 của Thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa, thực hiện giám sát 21 đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm PV HCC tỉnh; các sở: Tư pháp, Tài chính, Công Thương, TNMT, KHĐT, Xây dựng, Ban QLKK Nghi Sơn; Cục Hải quan, Cục thuế, Kho bạc NN; thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn, TX Nghi Sơn, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Thạch Thành, Thọ Xuân, Như Thanh.

²¹ Kế hoạch số 102/KH-SNV và kế hoạch số 103/KH-SNV ngày 18/02/2022;

²² 06 đơn vị cấp sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc; 11 đơn vị cấp huyện: Thị xã Bim Sơn, Hà Trung, Nga Sơn, Hậu Lộc, Triệu Sơn, Thiệu Hóa, Yên Định, Thường Xuân, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Mường Lát.

tiếp tại nơi công dân làm thủ tục hành chính, qua số tổng đài, qua mạng xã hội zalo; một số đơn vị ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC (Các sở: Công Thương, GD&ĐT, GTVT; các huyện: Ngọc Lặc, Quan Hóa...).

Một số đơn vị đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đạt được kết quả cao, cụ thể: Sở Nội vụ phối hợp với Công đoàn Viên chức (CĐVC) tỉnh Thanh Hóa tổ chức Hội thảo "Phát huy vai trò các cấp CĐVC tỉnh Thanh Hóa trong tham gia CCHC"; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hỗ trợ miễn phí khoảng 3.000 cuốn cẩm nang hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, quy trình thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cho các đối tượng là doanh nghiệp, các hộ kinh doanh và cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; huyện Đông Sơn đã tổ chức thành công hội thi tuyên truyền cải cách hành chính huyện Đông Sơn, lần thứ nhất năm 2022 với 19 đội thi (28 đơn vị trên địa bàn huyện)... góp phần tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, nắm bắt và thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.

Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa, Đài Truyền thanh cấp huyện thường xuyên đưa nhiều tin, bài về CCHC; Trang thông tin điện tử cải cách hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://cchc.thanhhoa.gov.vn> đăng tải 118 tin bài; các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên đăng tải tin, bài về CCHC trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2022

- Số nhiệm vụ được giao trong năm: 54 nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 54 nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ.

5. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Đẩy mạnh CCHC, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, các ngành, các cấp đã tham mưu cho UBND tỉnh nhiều sáng kiến, giải pháp trong CCHC; tổ chức thực hiện, nhân rộng các mô hình, sáng kiến CCHC tại các đơn vị, địa phương, điển hình như:

- Ngày 30/12/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư đặc biệt tỉnh Thanh Hóa để giúp UBND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch về xúc tiến và hỗ trợ đầu tư của tỉnh; thiết lập hệ thống cung cấp thông tin về xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp; kiểm tra, đôn đốc và xử lý kịp thời những vướng mắc về trình tự, thủ tục đầu tư; tiếp nhận và xử lý thủ tục đầu tư; thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho nhà đầu tư, các doanh nghiệp; giải quyết những vấn đề khó - mới - lớn trong đầu tư; thu hút các dự án đầu tư lớn. Từ đó hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp trong suốt quá trình đầu tư (trước, trong và sau quá trình đầu tư); rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án, mang lại hiệu quả cao.

- Năm 2022 mở rộng thí điểm mô hình “Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ” tại 09 xã, thuộc 07 huyện gồm: xã Cẩm Tú (huyện Cẩm Thủy); xã Thăng Thọ và thị trấn Nông Công (huyện Nông Công); xã Quảng Lộc (huyện Quảng Xương); xã Hoàng Thái (huyện Hoàng Hóa); xã Quang Lộc và thị trấn Hậu Lộc (huyện Hậu Lộc); xã Trung Lý (huyện Mường Lát); xã Sơn Thủy (huyện Quan Sơn). Như vậy, tính đến tháng 11/2022, toàn tỉnh đã xây dựng và nhân rộng được 140 mô hình “Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ”; nhiều địa phương đã triển khai đồng bộ đến các xã, phường, thị trấn như: thành phố Thanh Hóa, các huyện: Đông Sơn, Hà Trung, Hậu Lộc, Hoàng Hóa; trong đó thành phố Thanh Hóa, huyện Đông Sơn, huyện Hà Trung đã triển khai đến 100% các xã, phường, thị trấn.

Việc triển khai mô hình này đã góp phần đẩy mạnh công tác CCHC, nâng cao hiệu quả, chất lượng cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Các đơn vị thực hiện mô hình “Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ” đã xây dựng nội dung ký cam kết và pano khẩu hiệu: “**5 biết**: *Biết nghe dân nói; Biết nói dân hiểu; Biết làm dân tin; Biết xin lỗi; Biết cảm ơn*; “**3 không**”: *Không phiền hà, sách nhiễu; không né tránh trách nhiệm; Không trễ hẹn trong quá trình xử lý công việc*; “**4 thể hiện**”: *Tôn trọng trong giao tiếp; Văn minh, văn hóa, lịch sự trong giải quyết công việc; Lắng nghe đầy đủ, hướng dẫn tận tình quy trình xử lý công việc; Gần gũi, giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân*; xây dựng nội dung các thư gồm: “*thư cảm ơn, thư xin lỗi, thư chúc mừng, thư chia buồn*”.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 20/3/2022 triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số”. Đến nay, công tác chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và trong đời sống xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Các cấp, các ngành đã ứng dụng linh hoạt nền tảng số vào hoạt động của ngành, đơn vị, cụ thể: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Mobifone triển khai cung cấp thông tin về văn hóa, lịch sử, di tích danh lam thắng cảnh trên các nền tảng công nghệ số; xây dựng Cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động...

- Trong năm, lần đầu tiên tỉnh ta thực hiện việc đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (DDCI Thanh Hóa). Sau khi kết quả DDCI Thanh Hóa được công bố, một số đơn vị đã tổ chức hội nghị để tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và xây dựng giải pháp cho những năm tiếp theo.

- UBND huyện Thọ Xuân đã đưa vào thực hiện mô hình “Ngày không hẹn, Ngày không viết” tại một số xã trên địa bàn huyện; UBND huyện Đông Sơn thực hiện mô hình “Lễ tân hành chính” “Giờ làm việc thứ 9”. Với những sáng kiến, giải pháp mới, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã tạo nên sự thay đổi rõ rệt cả về “lượng” và “chất” trong giải quyết công việc hành chính và mang lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Công tác xây dựng pháp luật tiếp tục được các sở, ngành, địa phương quan tâm, tham mưu thực hiện. Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh ban hành 65 văn bản QPPL tập trung vào các lĩnh vực: xây dựng; đất đai; phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và biên chế; chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa; quy chế quản lý cụm công nghiệp; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh... Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL Quốc gia.

Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến đối với 48 dự thảo văn bản của Trung ương; thẩm định 239 dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; tham gia ý kiến 830 dự thảo văn bản của HĐND, UBND tỉnh và các sở, ngành (tăng 268 văn bản so với cùng kỳ năm 2021); thẩm định 67 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất²³.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được các sở, ngành, địa phương thực hiện thường xuyên theo kế hoạch hoặc theo chuyên đề. Theo đó, Sở Tư pháp đã tổ chức kiểm tra văn bản QPPL tại 09 đơn vị (Lang Chánh, Quan Sơn, Hoằng Hóa, Như Xuân, Như Thanh, Thạch Thành, Yên Định, Vĩnh Lộc và Thiệu Hóa); phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tự kiểm tra 2.822 văn bản do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (trong đó có 75 văn bản QPPL, 2.747 văn bản khác).

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai thống nhất, hiệu quả, trọng tâm là kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022²⁴. Sở Tư pháp đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 13 hội nghị PBGDPL; tổ chức 05 hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho 1.500 đại biểu làm công tác quản lý nhà nước về hòa giải, tập huấn viên, hòa giải viên ở cơ sở; tổ chức 02 hội nghị cụm tại huyện Hậu Lộc và huyện Quan Hóa hướng dẫn nghiệp vụ về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho gần 600 đại biểu là lãnh đạo UBND các xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê; tổ chức 03 hội nghị cụm tại các huyện: Hậu Lộc, Quan Hóa, Yên Định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

²³ 01 hồ sơ cưỡng chế các trường hợp vi phạm về đất đai tại Nông trường Thạch Quảng, huyện Thạch Thành; 07 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng biển Hải Hòa; 11 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án cụm công nghiệp Diên Trung, huyện Bá Thước; 21 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án thành phần trên tuyến cao tốc Bắc - Nam; 12 bộ hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án: Tuyến hành lang cấp nước thải, nước làm mát và băng tải than thuộc dự án nhà máy nhiệt điện Công Thanh tại Khu kinh tế Nghi Sơn và dự án: Kè chống sạt lở và nạo vét tiêu thoát lũ Khu kinh tế trọng điểm Nghi Sơn; 15 hồ sơ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án tại Thọ Xuân và Nông Cống.

²⁴ Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 24/02/2022.

Trong năm 2022, các sở, ngành, địa phương đã tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp, chú trọng đẩy mạnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử; thường xuyên rà soát, cập nhật TTHC sửa đổi, bổ sung và ban hành mới vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo đó:

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 60 quyết định công bố danh mục TTHC (14 TTHC đơn giản hóa, 579 thủ tục mới ban hành, 120 thủ tục bãi bỏ). Tích hợp và nhập dữ liệu 589 TTHC, không công khai 120 TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

- Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận 1.065 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân qua hệ thống phanhoi.thanhhoa.gov.vn và qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Sau khi tiếp nhận, 99,06% phản ánh, kiến nghị được các cơ quan, đơn vị xử lý và báo cáo; công khai kết quả đúng thời gian quy định; số phản ánh kiến nghị còn lại đang trong thời gian giải quyết.

- Thực hiện rà soát, đánh giá 14 TTHC của 06 sở, ban, ngành cấp tỉnh²⁵ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 ban hành kèm theo Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

- Thực hiện Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, với mục tiêu đổi mới là đẩy mạnh việc giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, từng bước hình thành công dân số, doanh nghiệp số phục vụ các mục tiêu xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương đang tập trung cải thiện, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi quản lý; thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. 100% TTHC thuộc thẩm quyền của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã²⁶ và 100% TTHC, nhóm TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp.

- Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2022 với 120 dịch vụ công mức độ 3,

²⁵ 06 sở, ban, ngành cấp tỉnh gồm: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo;

²⁶ Tính đến 22/11/2022, toàn tỉnh có 2.103 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 1.525; cấp huyện 354; cấp xã 244 (số liệu trên cổng dịch vụ công quốc gia);

mức độ 4²⁷; tất cả dịch vụ công đã được nhập đường link trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, được công khai và kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh. Duy trì và thực hiện 732 dịch vụ công mức độ 4 và 169 dịch vụ công mức độ 3 (hiện nay, đang rà soát, đưa các TTHC đủ điều kiện lên trực tuyến); 178 TTHC thực hiện giải quyết TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp; 151 TTHC đang thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.

- Tính đến ngày 22/11/2022, toàn tỉnh có tổng số hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công và bộ phận một cửa các cấp là: 1.326.613 hồ sơ. Trong đó: tiếp nhận trực tiếp là: 988.409; tiếp nhận trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 là: 338.204 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết: 1.355.142 hồ sơ, đã giải quyết đúng hạn: 1.352.127 (đạt 99,77%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Về tổ chức bộ máy:

Thực hiện các quy định của Trung ương, UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý (thay thế Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND)²⁸.

Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 14/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đến tháng 11/2022, Sở Nội vụ đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của 15 sở, cơ quan ngang sở²⁹ và 02 trường³⁰. Qua đó, giảm 10 phòng thuộc các sở: Ngoại vụ, Tư pháp (01), Công Thương (01); Giáo dục và Đào tạo (01); Khoa học và Công nghệ (02), Thông tin và Truyền thông (02); Kế hoạch và Đầu tư (01); Giao thông - Vận tải (01). Giảm 10 phòng trực thuộc Chi cục, thuộc các sở: Khoa học và Công nghệ (02); Y tế (03); Tài nguyên và Môi trường (02); Nội vụ (03 phòng). Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu, tổ chức, bộ máy của các cơ quan, đơn vị: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Nhà xuất bản Thanh Hoá; Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa.; thành lập, hợp nhất, đổi tên các hội; sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1, số 2 và Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư trực thuộc

²⁷ Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 30/5/2022;

²⁸ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022;

²⁹ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022;

³⁰ Đơn vị cấp sở: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ...; 02 đơn vị cấp trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa và trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

UBND thành phố Thanh Hóa; sáp nhập Phòng Công chứng số 3 vào Phòng Công chứng số 1 và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Công chứng số 1, trực thuộc Sở Tư pháp³¹....

Tham mưu, hoàn chỉnh hồ sơ, đề án trình Chính phủ xem xét việc nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tham mưu thực hiện các nội dung công việc theo nhiệm vụ, lộ trình, thời gian nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa³². UBND các huyện đã trình HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết giải thể phòng Y tế, qua đó giảm 27 phòng thuộc UBND cấp huyện, sau khi có hướng dẫn của UBND tỉnh, UBND các huyện đã quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn trực thuộc.

Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý giai đoạn 2021 - 2025³³ bảo đảm chỉ tiêu giảm 10% đơn vị. Đã tham mưu thực hiện kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, tổ chức, bộ máy của của 04 đơn vị sự nghiệp công lập³⁴.

- Sở Nội vụ tham mưu trình UBND tỉnh sửa đổi quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố³⁵.

- Thực hiện Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 và Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ. Một số đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm 100% chi thường xuyên thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo quy định; một số đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới do sáp nhập đã xây dựng và phê duyệt Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, số lượng người làm việc giai đoạn 2022 - 2024 (Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa, Trường cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa, Trường cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa ...).

- Về thực hiện quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp: năm 2022, biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được giao là 3.698 biên chế, có mặt tại thời điểm báo cáo là 3.573 biên chế. Số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao là: 59.748 người, có mặt tại thời điểm báo cáo là 58.335

³¹ Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 05/09/2022.

³² Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 16/3/2022.

³³ Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 22/11/2021.

³⁴ Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa; Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa; Viện Quy hoạch Kiến trúc; Bộ sung nhiệm vụ cho Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa trên cơ sở sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1, số 2 và Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư trực thuộc UBND thành phố Thanh Hóa.

³⁵ Tờ trình số 274/TTr-SNV ngày 27/5/2022.

người³⁶. 100% các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quản lý, sử dụng biên chế đúng quy định được giao.

- Việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước và kiểm tra đối với các nhiệm vụ được phân cấp được Sở Nội vụ, các ngành, các cấp triển khai thực hiện thường xuyên, gắn với các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Theo đó, trong năm 2022, Sở Nội vụ thanh tra 08 đơn vị; Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra theo chuyên ngành 12 đơn vị. 100% những vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được các cơ quan, đơn vị xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; đồng thời bãi bỏ các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, công chức, viên chức không còn phù hợp³⁷.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian bổ nhiệm; cử phụ trách kiêm nhiệm, bố trí công tác, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý. Thực hiện tốt các quy định về khung số lượng cấp phó của các sở, cơ quan ngang sở³⁸; phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Tham mưu, triển khai thực hiện các quyết định của cấp ủy đảng về công tác nhân sự đối với UBND các cấp theo quy định của pháp luật; đảm bảo số lượng, cơ cấu, thành phần, nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý của UBND các cấp. Tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh giới thiệu nhân sự trình HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 bầu giữ các chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Ủy viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Chấp thuận 29 Kế hoạch tiếp nhận vào công chức, theo đó, quyết định tiếp nhận vào làm công chức cho 96 trường hợp làm việc tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh. Phê duyệt 54 Kế hoạch tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đã thẩm định và thống nhất kết quả tuyển dụng viên chức cho 1.815 người tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh³⁹. Phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022 với 473 người⁴⁰.

³⁶ Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 10/12/2021;

³⁷ Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh bãi bỏ các quy định: (1) Quyết định số 1725/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017; (2) Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2017; (3) Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2017; (4) Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2017; (5) Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

³⁸ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 07/4/2021.

³⁹ Trong đó, y tế 360 người, giáo dục 928 người và các đơn vị sự nghiệp khác 527 người.

⁴⁰ (khối Đảng, Đoàn thể, Tổ chức xã hội: 4 người; khối hành chính: 261 người; khối sự nghiệp: 208 người).

- Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư⁴¹ cho 157 người⁴². Tiếp tục giải quyết hỗ trợ kinh phí trợ cấp một lần đối với Công an xã nghỉ việc theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ; Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã nghỉ việc theo Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Thanh Hóa năm 2022⁴³ và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”⁴⁴. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Giáo dục quốc tế - Trường Đại học Hồng Đức tổ chức lớp 03 bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; 01 lớp tiếng Anh giao tiếp cho CBCCC cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh; ban hành tài liệu bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tổ chức triển khai thực hiện bồi dưỡng cho 918 đại biểu HĐND cấp huyện. Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện bồi dưỡng đối với 13.152 đại biểu HĐND cấp xã. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện hơn 230 lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt theo kế hoạch.

- Đến nay, toàn tỉnh có 11.549 cán bộ, công chức cấp xã. Trong đó cán bộ cấp xã: 5.820 người; công chức cấp xã: 5.729 người.

Chất lượng cán bộ cấp xã: Số người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đại học và trên đại học: 5.341 người (chiếm 91,77%); cao đẳng: 104 người (chiếm 1,79%); trung cấp: 313 người (chiếm 5,38%); sơ cấp: 62 người (chiếm 1,06%).

Chất lượng công chức cấp xã: Số người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đại học và trên đại học: 4.926 người (chiếm 85,98 %); cao đẳng: 135 người (chiếm 2,36 %); trung cấp: 658 người (chiếm 11,49 %); sơ cấp 10 người (chiếm 0,17%).

5. Cải cách tài chính công

- Các sở, ngành, địa phương đã tích cực rà soát, đánh giá và quản lý chặt chẽ nhằm sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công theo đúng quy định của pháp luật.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các quy định: giao thực hiện chế độ

⁴¹ Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴² (Trong đó có: 02 Phó Giáo sư; 15 Tiến sĩ; 42 Bác sĩ, được sĩ chuyên khoa cấp II; 98 thạc sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật y, y tế cộng đồng chuyên khoa cấp I).

⁴³ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 03/3/2022;

⁴⁴ Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 02/3/2022;

tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh Thanh Hóa năm 2022⁴⁵; giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025⁴⁶; ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Thanh Hóa năm 2022⁴⁷.

- Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025⁴⁸; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022⁴⁹. Triển khai dán thẻ định danh đối với xe ô tô để sử dụng dịch vụ thu phí giao thông đường bộ theo hình thức điện tử không dừng⁵⁰; rà soát chuẩn hóa dữ liệu về xe ô tô trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số năm 2022⁵¹. Giao thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh năm 2022⁵² và kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa⁵³.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019 - 2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁵⁴; Kế hoạch kiểm tra tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Trong năm 2022, các sở, ngành tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản để triển khai thực hiện việc xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0 đã được phê duyệt⁵⁵; tích cực triển khai thực hiện việc sử dụng văn bản điện tử; phát huy hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh tại hơn 600 điểm cầu⁵⁶; 18 phòng họp không giấy tờ của các đơn vị (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, 15 đơn vị cấp huyện) đã đi vào hoạt động, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, tạo môi trường hội họp hiện đại, tổ chức các cuộc họp nhanh chóng, tiết kiệm, khoa học.

⁴⁵ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

⁴⁶ Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

⁴⁷ Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

⁴⁸ Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 21/1/2022.

⁴⁹ Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 21/1/2022.

⁵⁰ Công văn số 2462/UBND-CN ngày 24/02/2022.

⁵¹ Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 11/8/2022.

⁵² Quyết định 184/QĐ-UBND ngày 11/01/2022.

⁵³ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 28/02/2022.

⁵⁴ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

⁵⁵ Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.

⁵⁶ (31 điểm cầu tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; 10 điểm cầu của khối các cơ quan Đảng; 559 điểm cầu UBND cấp xã).

Quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa được đẩy mạnh, luôn lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, tạo thuận lợi cho người dùng, tăng cường chuyển đổi hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch về y tế, giáo dục đã được quan tâm, đẩy mạnh tạo đà phát triển cho kinh tế số, xã hội số và quá trình chuyển đổi số được thuận lợi⁵⁷.

- Trục tích hợp nội tỉnh LGSP, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, được kết nối liên thông với hệ thống của quốc gia, phạm vi gửi, nhận văn bản liên thông 04 cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã. Ngoài ra, hệ thống LGSP đảm bảo kết nối, liên thông 26 hệ thống phần mềm (09 phần mềm triển khai trong tỉnh; 17 dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được kết nối qua LGSP). Kết nối, liên thông các thông tin, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo tỉnh; cung cấp thông tin, dữ liệu của 08/08 chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kết nối giữa Hệ thống giám sát, đo lường EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông để thu thập và đánh giá dữ liệu của 3 loại đối tượng gồm: Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử.

Triển khai thí điểm Trợ lý ảo tại Sở Thông tin và Truyền thông và Tòa án nhân dân tỉnh nhằm khai thác tối đa sức mạnh của công nghệ đồng thời giải phóng sức lao động cho cán bộ Bộ phận hỗ trợ dịch vụ công, hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công.

- Cổng Dịch vụ công tỉnh được tích hợp với Cổng dịch vụ công Quốc gia cùng với triển khai tích hợp các hệ thống thanh toán trực tuyến (VNPT Pay, PayGov công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phòng chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh. Cổng DVC trực tuyến của tỉnh cung cấp 901 TTHC mức độ 3, mức độ 4 (169 dịch vụ công mức độ 3 và 732 dịch vụ công mức độ 4).

- Các Trung tâm tích hợp dữ liệu của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về an ninh, an toàn thông tin mạng; đảm bảo cho việc duy trì, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh; bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt

⁵⁷ Kế hoạch 97/KH-UBND ngày 05/4/2022.

động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁵⁸. Trên cơ sở đó, tỉnh Thanh Hóa đã chạy thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Thanh Hóa từ tháng 7/2022⁵⁹; các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁶⁰; nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Thanh Hoá đang trong quá trình tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu⁶¹; các ứng dụng về chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc.

Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đã triển khai đô thị thông minh tại thành phố Sầm Sơn và đang xây dựng, triển khai đô thị thông minh tại thành phố Thanh Hóa; kết quả bước đầu cho thấy việc xây dựng đô thị thông minh tại Thành phố Sầm Sơn đã đem lại một số kết quả đáng kể như: việc quản lý tình hình an ninh trật tự đô thị được tốt hơn; việc quảng bá hình ảnh, con người và các điểm du lịch tại thành phố Sầm Sơn đến với người dân trên mọi miền tổ quốc được nhanh và kịp thời hơn...

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng được sử dụng tại 100% các cơ quan hành chính và hơn 150 đơn vị sự nghiệp của tỉnh; đã cấp hơn 1.100 chứng thư số cá nhân. Tích hợp chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và đang thí điểm ký số trên thiết bị di động. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản đi trên hệ thống: 1.030.567/1.039.181 đạt 99,17%; tỷ lệ ký số cá nhân tại các cơ quan đạt trên 99% giúp cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị được công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước.

- Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực chuyên ngành để phục vụ công tác quản lý và điều hành (*Ngành giao thông vận tải với phần mềm quản lý hệ thống cầu đường, quản lý tài sản hạ tầng giao thông...; ngành Tư pháp thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch, dự kiến cuối năm 2022, số hóa toàn bộ dữ liệu hộ tịch tại huyện Quảng Xương, Thọ Xuân và Bá Thước; ngành Tài nguyên và môi trường thực hiện nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường... Cục thuế Thanh Hóa đã triển khai hóa đơn điện tử cho 100% doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn) và có sự phối hợp, liên kết, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (*Hiện nay, Cục thuế Thanh Hóa đang thực hiện kết nối chia sẻ dữ liệu với Ngành giao thông vận tải về quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình xe để phục vụ công tác quản lý thuế trên địa bàn*).*

⁵⁸ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 4/11/2022.

⁵⁹ Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 10/8/2022.

⁶⁰ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 25/4/2022.

⁶¹ Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 31/3/2022.

- Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính: Triển khai Kế hoạch số 5249/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa, năm 2022; Hướng dẫn thực hiện chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022. Đến nay, có 530 cơ quan hành chính nhà nước áp dụng và công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001. Trong đó, có 35 cơ quan cấp sở, ban, ngành, Chi cục trực thuộc Sở; 27 UBND cấp huyện; 01 đơn vị sự nghiệp công lập và 467/559 UBND cấp xã là đối tượng khuyến khích áp dụng.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Các sở, ngành, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 trên cơ sở bám sát các chủ trương của Đảng và quy định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về từng nội dung, lĩnh vực cải cách hành chính.

2. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền của tỉnh. Ban hành kịp thời, đúng hạn các văn bản triển khai thực hiện các Luật, Pháp lệnh, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ. Thực hiện đồng bộ các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật; thường xuyên kiểm tra việc theo dõi, thi hành pháp luật.

3. Sửa đổi quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

4. Tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; triển khai Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Chính phủ.

5. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính đặc thù, các giao dịch dân sự có yêu cầu xuất trình, nộp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú để tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh phù hợp với Luật Cư trú.

6. Tiếp tục rà soát, hoàn thành các nhiệm vụ về sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính theo Đề án của UBND tỉnh đã phê duyệt và chỉ đạo của Chính phủ. Rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh.

7. Quản lý chặt chẽ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực; đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

8. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý chi tiêu công để tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước; thực hiện phân tách giữa các cấp ngân sách theo quy định.

9. Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển Chính quyền số. Xây dựng các chính sách, quy định pháp lý về phí, lệ phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử.

10. Hoàn thành việc hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung duy nhất của tỉnh; thiết lập, nâng cấp, hoàn thiện kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trong Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	59	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	54	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	54	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	05	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	11	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	68	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	68	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra		5	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra		100	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		Hiện nay hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của VP CP đang được nâng cấp, hoàn chỉnh và bị lỗi hệ thống nên chưa thể truy cập để rà soát các nhiệm vụ được giao và kết thúc các nhiệm vụ đã hoàn thành. Sau khi hệ thống được thông suốt thì UBND tỉnh Thanh Hóa sẽ báo cáo theo quy định.
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	2000	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁶² do địa phương ban hành	Văn bản	75	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	75	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	172	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	08	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	08	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	341	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	65,85	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	41	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	27	

⁶² Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	14	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	579	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	120	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.103	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1.525</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>354</i>	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>224</i>	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1.632	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	482	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>518.562</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>518.549</i>	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,99	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	71.351	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	70.632	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,70	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	765.229	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	762.946	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	99,06	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	1.065	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	1.055	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	128	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>10</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>220</i>	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>1953</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.698	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.457	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	663	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	6.144	Quyết định 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 và giao bổ sung tại Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 08/9/2022
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	58.120	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1.096	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10,1	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	48	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.989	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	96	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1.815	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i>	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền).</i>		-	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	57	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	10.630.268	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	6.234.262	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	2.253	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	4	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	22	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	205	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>40</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>32</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>133</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2.022	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0.
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	600 điểm cầu (31 điểm cầu của khối cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện; 10 điểm cầu của khối các cơ quan Đảng; 559 điểm cầu tại UBND cấp xã).
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Địa chỉ: https://lgsp.thanhhoa.gov.vn .
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký</i>	%	99,17	Số lượng 1.030.567/1.039.181 văn bản gửi đi.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>			
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	97,27	Số lượng 200.145/205.772 văn bản gửi đi.
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	99,62	Số lượng 381.739/383.209 văn bản gửi đi.
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	99,66	Số lượng 448.683/450.200 văn bản gửi đi.
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	169	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	169	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	89	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	99,67	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	732	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	732	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	235	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	96,67	
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	910	
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	871	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	92,82	
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	372.219	
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	345.490	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	591	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	591	